



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÀNG AN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

cho năm tài chính 2011



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRẢNG AN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2011

HÀ NỘI, THÁNG 2 - 2012



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 22
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	23



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN
Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84-4) 29 446 218 Fax: (84-4) 29 446 213

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
*đính kèm Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2011*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Trăng An trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Trăng An (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015160 ngày 21/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 41/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 và Quyết định cấp giấy phép điều chỉnh công ty chứng khoán số 99/UBCK-GPĐCCTCK ngày 28/12/2007 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Theo Quyết định cấp giấy phép điều chỉnh công ty chứng khoán số 99/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 28/12/2007 thì vốn điều lệ của Công ty là: **139.000.000.000 VND** (Một trăm ba mươi chín tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Địa chỉ: Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Tel: (84-4) 29 446 218 Fax: (84-4) 29 446 213

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết ngày 22/02/2010 tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), mã chứng khoán: TAS

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

- | | |
|--------------------------|----------|
| - Ông Lê Hồ Khởi | Chủ tịch |
| - Ông Nguyễn Hồng Chương | Ủy viên |
| - Ông Trương Quang Lâm | Ủy viên |
| - Ông Dương Tuấn Thịnh | Ủy viên |
| - Ông Trịnh Văn Toàn | Ủy viên |

Ban Tổng giám đốc

- | | |
|------------------------|--|
| - Ông Lê Hồ Khởi | Tổng Giám đốc |
| - Bà Bùi Lan Anh | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 07/11/2011) |
| - Ông Trịnh Văn Toàn | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Dương Mạnh Hùng | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Trần Trọng Nghĩa | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 13/01/2011) |
| - Ông Nguyễn Trí Dũng | Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 13/01/2011) |



2228
NG T
HIỆM H
ÁN VÀ E
T N
ÁY -

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2011.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo các quy định pháp lý hiện hành đối với công ty chúng.

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Nghị định 36/2007/NĐ-CP ngày 08/03/2007 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN



Lê Hồ Khôi

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012





CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số: 177 -12/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được lập ngày 10 tháng 02 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An (gọi tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 22 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

Công ty chưa hạch toán doanh thu đối với khoản lãi phát sinh cho nhà đầu tư vay và chưa tính, kê khai số thuế GTGT phải nộp đối với khoản doanh thu này, chúng tôi không thu thập được các tài liệu nhằm ước tính số lãi vay này, theo đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của khoản mục này tới Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty.

Như đã thuyết minh tại phần V mục 11, Công ty đã nhận nợ lại tiền vay của các nhà đầu tư từ các tổ chức cho vay nhưng chưa hạch toán theo dõi là khoản vay của Công ty, số tiền nhận nợ này đang được Công ty sử dụng để cho các nhà đầu tư vay là chưa phù hợp với quy định hiện hành. Đồng thời, Lãi vay phát sinh được hạch toán như một khoản thu hộ, chi hộ theo nguyên tắc thực chi mà không hạch toán vào chi phí. Chúng tôi không ước tính được đầy đủ số lãi vay này, theo đó chúng tôi không đánh giá được sự ảnh hưởng của số lãi vay này tới báo cáo tài chính năm 2011.

Trong năm Công ty ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại với giá trị là 19,9 tỷ từ khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng dựa trên giả định không chắc chắn Công ty sẽ có lãi trong những năm tiếp theo để thu hồi khoản tài sản thuế này. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng về giả định nêu trên. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về khoản mục này làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2011, Công nợ phải thu được đối chiếu là 32,9 tỷ đồng, Chúng tôi đã áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên các thủ tục này không cung cấp cho chúng tôi các bằng chứng nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về số dư công nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2011 của Công ty.

Trong năm Công ty cho nhà đầu tư mua chứng khoán khi không có đủ tiền trong tài khoản và chưa quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An cho năm tài chính 2011:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý:

- Tại thời điểm 31/12/2011, khả năng thanh toán nhanh của Công ty chỉ đạt 0,033 lần, mật khác như đã thuyết minh tại phần V mục 11 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, các khoản nhận nợ lại các khoản vay của các nhà đầu tư với các tổ chức cho vay đều đã quá hạn thanh toán. Đồng thời khoản lỗ thuần trong năm 2011 là 66,7 tỷ. Những điều này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

- Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại thông 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, tuy nhiên nếu áp dụng phương pháp lấy nợ phải thu - (trừ) tài sản đảm bảo của đối tượng nợ thì số dự phòng sẽ có sự chênh lệch. Thuyết minh phần mục V.10 mô tả sự chênh lệch này.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (16) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An giữ 15 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Ngọc Toán
P. Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0024/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		154.286.190.480	347.007.738.101
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.566.605.415	18.470.752.050
1 Tiền	111	V.1.	1.566.605.415	18.470.752.050
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3	2.139.631.644	26.993.816.705
1 Đầu tư ngắn hạn	121		7.841.668.513	35.789.922.733
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5.702.036.869)	(8.796.106.028)
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.10	148.019.748.076	299.390.831.727
1 Phải thu của khách hàng	131		-	2.000.000
2 Trả trước cho người bán	132		-	174.612.226
4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		191.174.634.864	294.325.943.403
5 Các khoản phải thu khác	138		383.529.022	4.888.276.098
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(43.538.415.810)	-
IV Hàng tồn kho	140		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		2.560.205.345	2.152.337.619
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		43.980.615	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		39.686.111	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	158		2.476.538.619	2.152.337.619
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		51.589.181.536	31.113.256.773
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		3.218.943.012	4.851.807.431
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	2.331.455.818	3.301.081.069
- Nguyên giá	222		8.402.640.008	7.998.868.052
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.071.184.190)	(4.697.786.983)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.5	887.487.194	1.550.726.362
- Nguyên giá	228		3.005.371.833	3.005.371.833
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.117.884.639)	(1.454.645.471)
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3.	20.059.000.000	20.059.000.000
3 Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		5.059.000.000	5.059.000.000
4 Đầu tư dài hạn khác	258		15.000.000.000	15.000.000.000
V Tài sản dài hạn khác	260		28.311.238.524	6.202.449.342
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	2.547.863.391	1.807.655.664
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.8	19.979.807.406	-
3 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.9	4.504.249.834	2.947.008.093
4 Tài sản dài hạn khác	268		1.279.317.893	1.447.785.585
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		205.875.372.016	378.120.994.874

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		120.364.927.279	225.845.442.028
I Nợ ngắn hạn	310		120.364.927.279	225.845.442.028
1 Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2 Phải trả người bán	312		177.992.055	368.096.344
3 Người mua trả tiền trước	313		191.000.000	148.000.000
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.7	876.672.760	2.013.922.195
5 Phải trả người lao động	315		290.677.233	-
8 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	118.158.182.421	219.692.871.489
10 Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		168.396.810	-
11 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		502.006.000	3.622.552.000
II Nợ dài hạn	330		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		85.510.444.737	152.275.552.846
I Vốn chủ sở hữu	410	V.13.	85.510.444.737	152.275.552.846
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		139.000.000.000	139.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		11.130.000.000	11.130.000.000
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(64.619.555.264)	2.145.552.846
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		205.875.372.016	378.120.994.874

Người lập

Phạm Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN

Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
TRĂNG AN
HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

Lê Hồ Khôi

20222
ÔNG T
NHIỆM H
TOÁN VÀ E
VIỆT NI
GIẤY - 1

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2011	01/01/2011
6 Chứng khoán lưu ký	006	443.655.570.000	393.322.580.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	415.817.750.000	326.128.820.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	125.040.000	3.048.460.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	413.327.820.000	323.039.960.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	011	2.364.890.000	40.400.000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	013	-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	11.796.120.000	54.949.760.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	2.540.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	11.796.120.000	54.947.220.000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016	-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	12.445.200.000	-
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	1.990.000.000	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	10.455.200.000	-
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	3.596.500.000	12.244.000.000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	-	200.000.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	3.596.500.000	12.044.000.000
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031	-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	-	-
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	-	-
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	-	-
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041	-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	50	-	-
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-
10 Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084	-	-

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Ngọc Lan



(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1 Doanh thu	01		7.469.824.482	56.391.009.725
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3.951.098.503	16.980.423.966
Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn	01.2		1.164.713.635	16.056.604.238
Doanh thu bảo lãnh phát hành CK	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành CK	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		345.636.364	7.959.019.278
Doanh thu lưu ký CK	01.6		-	-
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		258.506.180	38.709.137
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		1.749.869.800	15.356.253.106
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		611.188.551	-
3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		6.858.635.931	56.391.009.725
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	11		38.728.620.918	31.160.453.853
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		(31.869.984.987)	25.230.555.872
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		54.765.645.455	13.274.762.762
7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20 - 25)	30		(86.635.630.442)	11.955.793.110
8 Thu nhập khác	31		17.500.000	-
9 Chi phí khác	32		124.785.072	-
10 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(107.285.072)	-
11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(86.742.915.514)	11.955.793.110
12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.1	-	25.033.110
13 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.2	(19.979.807.406)	2.963.915.168
14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(66.763.108.109)	8.966.844.832
15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(4.803)	645

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lê Hồ Khôi

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh CK				
1 Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01		3.337.381.056	56.391.009.725
2 Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		(7.995.881.126)	(22.460.787.325)
3 Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05		(1.118.179.701)	-
4 Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06		5.059.981.946.988	12.377.246.838.043
5 Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07		(5.036.631.695.818)	(12.422.103.224.221)
6 Tiền thu bán chứng khoán phát hành	08		-	-
7 Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09		(29.097.118.000)	(162.266.518.200)
8 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	10		(4.992.421.789)	(920.473.645)
9 Tiền chi trả cho người lao động	11		(6.716.044.822)	(10.377.615.794)
10 Tiền chi trả lãi vay	12		(107.589.556)	-
11 Tiền chi nộp thuế TNDN	13		-	-
12 Tiền thu khác	14		1.348.731.152.504	989.934.764.480
13 Tiền chi khác	15		(1.341.890.328.290)	(851.419.548.912)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16.498.778.554)	(45.975.555.849)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(422.868.081)	(1.606.463.061)
2 Tiền thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các	22		17.500.000	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(405.368.081)	(1.606.463.061)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của	31		-	-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(16.904.146.635)	(47.582.018.910)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.470.752.050	66.052.770.960
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	1.566.605.415	18.470.752.050

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN

Người lập

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Tổng Giám đốc

Lê Hồ Khôi

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Trần An (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015160 ngày 21/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 41/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 và Quyết định cấp giấy phép điều chỉnh công ty chứng khoán số 99/UBCK-GPĐCCTCK ngày 28/12/2007 của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Địa chỉ: Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Tel: (84-4) 9 446 218 Fax: (84-4) 9 446 213

Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh của Công ty là: **139.000.000.000 VND** (Một trăm ba mươi chín tỷ đồng Việt Nam). Tương đương với 13.900.000 cổ phần.

Đến thời điểm 31/12/2011 cơ cấu cổ đông của Công ty cho năm tài chính 2011 là:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Trần An	925.000	6,65%
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	784.900	5,65%
Các cổ đông khác	12.190.100	87,70%
Tổng cộng	13.900.000	100,00%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh, tư vấn, môi giới chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015160 ngày 21/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 41/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 và Quyết định cấp giấy phép điều chỉnh công ty chứng khoán số 99/UBCK-GPĐCCTCK ngày 28/12/2007 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

4. Tổng số nhân viên: 90 người

Trong đó nhân viên quản lý: 15 người



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011
(tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 11/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính, sửa đổi theo thông tư số 163/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành đối với Công ty chứng khoán. Ngoại trừ việc Công ty không áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 - Thông tin về các bên liên quan.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chứng từ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

2.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Nguyên giá TSCĐ HH mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Máy móc, thiết bị	02 - 04
- Phương tiện vận tải	08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05

2.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm giao dịch chứng khoán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ tài chính.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian khấu hao như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Phần mềm giao dịch	04

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán: Được ghi nhận theo giá gốc tại ngày đầu tư, mua cổ phiếu.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Được ghi nhận theo giá gốc tại ngày đầu tư, góp vốn.

4. Nguyên tắc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng đầu tư ngắn hạn, dài hạn được Công ty trích lập (hoàn nhập) tại ngày lập báo cáo tài chính năm, khi giá trị thị trường của cổ phiếu nhỏ hơn so với giá trị ghi sổ, phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị thị trường được Công ty hạch toán trích lập dự phòng.

Giá trị có thể thực hiện được của Các khoản đầu tư được tính toán như sau

Đối với cổ phiếu tại HOSE: Được lấy theo giá chốt phiên tại ngày 30/12/2011.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Đối với cổ phiếu tại HASTC: Được lấy theo giá bình quân tại ngày 30/12/2011

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết: Công ty không trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào Cổ phiếu Hapro Wine, Công ty CP Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài, Công ty CP Trường Sơn do không có giá thị trường

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm: Chi phí thành lập chi nhánh Quảng Ninh (bao gồm sửa sang văn phòng, đào tạo nhân viên...), Chi phí thuê nhà trả trước, chi phí thi Công mạng cáp của Công ty, công cụ dụng cụ có giá trị lớn và các chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ tối đa là 3 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác"

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Việc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

9. Nguyên tắc trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được Công ty trích lập theo quy định tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	256.843.926	710.731.104
Tiền gửi ngân hàng của Công ty chứng khoán	335.771.257	7.169.728.299
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	973.990.232	10.590.292.647
Tổng cộng	1.566.605.415	18.470.752.050

2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
1. Của Công ty chứng khoán	2.871.685	66.988.967.000
- Cổ phiếu	2.871.685	66.988.967.000
2. Của người đầu tư	193.591.875	2.613.303.713.000
- Cổ phiếu	193.591.875	2.613.303.713.000
Tổng cộng	196.463.560	2.680.292.680.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRẦN AN
Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84-4) 2 9 446 218 Fax: (84-4) 2 9 446 213

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính 2011

Mẫu B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

3. Tình hình đầu tư tài chính như sau

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm	
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm			
I. Chứng khoán thương mại	206.682	944.372	7.841.668.513	35.789.922.733	603.456	164.279.295	5.702.036.869	8.796.106.028	2.140.235.100	27.158.096.000	
- Cổ phiếu											
HDG	206.682	944.372	7.841.668.513	35.789.922.733	603.456	164.279.295	5.702.036.869	8.796.106.028	2.140.235.100	27.158.096.000	
TDN	200.010	7.380	7.688.017.021	774.553.333	-	-	5.607.913.021	221.053.333	2.080.104.000	553.500.000	
SMC	272	186	2.543.797	5.501.700	-	-	585.397	1.688.700	1.958.400	3.813.000	
POT	185	125.015	4.973.904	3.934.993.000	-	-	3.567.904	1.159.660.000	1.406.000	2.775.333.000	
SDD	175	295	2.670.074	6.378.440	-	-	1.305.074	2.071.440	1.365.000	4.307.000	
TCS	165	404	1.502.736	21.332.300	-	-	991.236	16.201.500	511.500	5.130.800	
BKC	154	236	893.183	5.855.314	-	-	-	1.182.514	1.262.800	4.672.800	
BWA	118	191	2.778.517	5.338.800	-	-	1.964.317	2.072.700	814.200	3.266.100	
VNM	100	100	4.500.000	4.500.000	-	500.000	3.500.000	-	1.000.000	5.000.000	
PPC	-	113.000	-	10.068.500.000	-	-	-	350.500.000	-	9.718.000.000	
PLC	7	131.007	84.627	1.633.006.400	-	-	35.627	100.224.500	49.000	1.532.781.900	
VCG	89	105.188	2.662.525	4.721.249.875	-	-	1.407.625	776.699.875	1.254.900	3.944.550.000	
DAG	87	70.161	1.263.754	1.919.919.619	-	-	489.454	186.942.919	774.300	1.732.976.700	
UDC	98	69.980	980.000	4.548.700.000	-	-	480.200	3.233.076.000	499.800	1.315.624.000	
VND	-	60.000	-	1.400.000.000	-	-	-	518.000.000	-	882.000.000	
Khác	21	60.000	260.268	1.468.230.000	-	-	117.468	34.230.000	142.800	1.434.000.000	
	5.201	201.229	128.538.107	5.271.863.952	233.839	163.779.295	79.679.546	2.192.502.547	49.092.400	3.243.140.700	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRẦN AN
Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84-4) 2 9 446 218 Fax: (84-4) 2 9 446 213

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính 2011

Mẫu B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

3. Tình hình đầu tư tài chính như sau			Giá trị theo số kế toán			So với thị trường			Tổng giá trị theo giá thị trường			Ghi chú
Số lượng												
Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		Tăng	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
II. Chứng khoán đầu tư	148.178	148.178	5.059.000.000	5.659.000.000	-	-	-	-	5.059.000.000	5.659.000.000		
1. Chứng khoán sản sinh để bán	148.178	148.178	5.059.000.000	5.659.000.000	-	-	-	-	5.059.000.000	5.659.000.000		
- Cổ phiếu	142.178	142.178	4.459.000.000	5.059.000.000	-	-	-	-	4.459.000.000	5.059.000.000		
Hapro Wine	80.000	80.000	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	-	-	2.800.000.000	2.800.000.000		
Công ty CP Dịch vụ hàng không sản bay Nội Bài	32.178	32.178	1.059.000.000	1.059.000.000	-	-	-	-	1.059.000.000	1.059.000.000		
Công ty CP Trường Sơn	30.000	30.000	600.000.000	600.000.000	-	-	-	-	600.000.000	600.000.000		
- Trái phiếu Công ty Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	6.000	6.000	600.000.000	600.000.000	-	-	-	-	600.000.000	600.000.000		
III. Đầu tư góp vốn												
IV. Đầu tư tài chính khác	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000		
Góp vốn với Công ty Hữu nghị FORTIKA đầu tư dự án xây dựng nhà cao tầng			15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000		
Tổng cộng	354.860	1.092.550	27.900.668.513	56.448.922.733	603.456	164.279.295	5.702.036.869	8.796.106.028	22.199.235.100	47.817.096.000		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011
(tiếp theo)

4. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình				
Số dư đầu năm	5.700.628.995	1.931.282.440	366.956.617	7.998.868.052
- Mua trong năm	365.543.581	-	57.324.500	422.868.081
- Thanh lý	(19.096.125)	-	-	(19.096.125)
Số dư cuối năm	6.047.076.451	1.931.282.440	424.281.117	8.402.640.008
Giá trị đã hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.506.332.311	906.508.852	284.945.820	4.697.786.983
Khấu hao trong năm	1.053.312.201	94.712.383	225.372.623	1.373.397.207
Giảm khác	-	-	-	-
Số cuối năm	4.559.644.512	1.001.221.235	510.318.443	6.071.184.190
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	2.194.296.684	1.024.773.588	82.010.797	3.301.081.069
Số dư cuối năm	1.487.431.939	930.061.205	(86.037.326)	2.331.455.818

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định		
Số dư đầu năm	3.005.371.833	3.005.371.833
- Mua trong năm	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối năm	3.005.371.833	3.005.371.833
Giá trị đã hao mòn		
Số dư đầu năm	1.454.645.471	1.454.645.471
Khấu hao trong năm	663.239.168	663.239.168
Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	2.117.884.639	2.117.884.639
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.550.726.362	1.550.726.362
Tại ngày cuối năm	887.487.194	887.487.194

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011
(tiếp theo)

6	Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
	- Chi phí trả trước tiền thuê nhà	431.081.669	776.818.468
	- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	158.262.173	126.350.463
	- Chi phí thành lập chi nhánh Công ty	185.661.105	10.820.843
	- Chi phí sửa chữa văn phòng	1.395.022.682	279.027.177
	- Chi phí dịch vụ trả trước dài hạn	10.422.500	20.845.000
	- Thi công mạng cáp	276.489.538	130.546.655
	- Phần mềm các loại	17.054.777	237.167.249
	- Chi phí khác	73.868.947	226.079.809
	Cộng	2.547.863.391	1.807.655.664
7	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
	Thuế GTGT đầu ra	-	749.766.128
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	25.033.109
	Thuế thu nhập cá nhân	876.672.760	1.239.122.958
	Cộng	876.672.760	2.013.922.195
8	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	19.979.807.406	-
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
	Khoản hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19.979.807.406	-
9	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
	- Tiền nộp ban đầu	2.947.008.093	984.983.202
	- Tiền nộp bổ sung	987.684.816	1.854.663.485
	- Tiền lãi phân bổ trong năm	569.556.925	107.361.406
	Cộng	4.504.249.834	2.947.008.093



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN
Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84-4) 2 9 446 218 Fax: (84-4) 2 9 446 213

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính 2011

Mẫu B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011
(tiếp theo)

10. Các khoản phải thu

Chi tiêu	01/01/2011		Phát sinh trong kỳ		31/12/2011		Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Trong đó số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó số quá hạn	
1. Phải thu của khách hàng	2.000.000	-	-	2.000.000	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch CK	294.325.943.403	-	1.519.341.946.622	1.622.493.255.161	191.174.634.864	73.644.819.986	43.538.415.810
- Phải thu khách hàng về GDCK	294.325.943.403	-	1.519.341.946.622	1.622.493.255.161	191.174.634.864	73.644.819.986	43.538.415.810
3. Phải thu khác.	4.888.276.098	-	20.976.204.519	25.480.931.595	383.529.022	-	-
4. Trả trước cho người bán.	174.612.226	-	105.417.363	280.029.589	-	-	-
Tổng cộng	299.390.831.727	-	1.540.423.568.504	1.648.256.236.345	191.558.163.886	73.644.819.985,82	43.538.415.810

Lý do tranh chấp, mất khả năng thanh toán: Trong năm Công ty đã cho các nhà đầu tư vay để đầu tư chứng khoán, giá trị cầm cố bằng chính chứng khoán có trong tài khoản của nhà đầu tư. Năm 2011, thị trường sụt giảm quá mạnh khiến nhà đầu tư thua lỗ nặng nề, khiến các nhà đầu tư mất khả năng thanh toán.

Hiện nay ngoài số tài sản là cổ phiếu trên các tài khoản giao dịch chứng khoán, nhà đầu tư nợ TAS còn thế chấp cho TAS những TS khác là Cổ phiếu chưa niêm yết, Bất động sản, Quyền mua BĐS được thế hiện bằng giá trị tiền đã nộp mua nhà v.v.... Tuy nhiên việc thống kê và đánh giá giá trị của những tài sản này là tương đối khó khăn do khó ước tính chính xác giá trị thị trường.

Nếu trích lập dự phòng phải thu dựa trên phương pháp lấy nợ phải thu - (trừ) tài sản đảm bảo chi là cổ phiếu hiện có của người nợ trên chính tài khoản giao dịch chứng khoán của họ hoặc tài khoản ủy quyền và một số tài sản khác đứng tên chính chủ thì số dự phòng phải trích lập là 66 tỷ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011
(tiếp theo)

11 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác		
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán với TTGDCK	2.517.587.000	24.568.448.000
Thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư (*)	115.496.143.258	194.982.011.280
Phải trả phải nộp khác	144.452.163	142.412.209
Cộng	118.158.182.421	219.692.871.489

(*) Trong tổng số dư tại thời điểm 31/12/2011 có 110.129.750.819 đồng là khoản tiền Trăng An nhận nợ lại và cho các khách hàng khác vay. Số tiền này là của một số nhà đầu tư đã đứng tên vay của các tổ chức để đầu tư chứng khoán bằng việc cầm cố, thế chấp chứng khoán có tại Công ty CP Chứng khoán trăng An. Tuy nhiên, sau khi các tổ chức này giải ngân cho các nhà đầu tư này thông qua Công ty Cổ chứng khoán Trăng An, Trăng An đã sử dụng số tiền này để cho các nhà đầu tư khác vay (không phải là nhà đầu tư đứng tên vay với các tổ chức). Trong năm 2011, Trăng An đã nhận nợ trực tiếp số tiền này với các tổ chức cho vay. Trong số nợ vay này có 97 tỷ là nợ đã quá hạn thanh toán từ 05 tháng đến 9 tháng. Các khoản lãi vay phát sinh được hạch toán khi công ty thực tế chỉ trả.

12 Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Số sử dụng trong kỳ	-	-
Số trích lập trong kỳ	43.538.415.810	-
Số dư cuối kỳ	43.538.415.810	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	25.033.110
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Cộng	-	25.033.110

2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	(19.979.807.406)	2.963.915.168
Cộng	(19.979.807.406)	2.963.915.168



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011
(tiếp theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
- Tiền của nhà đầu tư	973.990.232	10.590.292.647
Cộng	973.990.232	10.590.292.647

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lương của Ban Tổng giám đốc	834.386.606	1.129.702.644

2. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 của Công ty CP Chứng khoán Tráng An đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÁNG AN

Người lập

Phạm Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Tổng Giám đốc

Lê Hồ Khôi



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN
Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84-4) 2 9 446 218 Fax: (84-4) 2 9 446 213

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính 2011

Mẫu số B05 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước		Năm nay		Tăng	Giảm	Năm trước	Năm nay
		1	2	3	4				
A	B								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		139.000.000.000	139.000.000.000	-	-	-	-	139.000.000.000	139.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		11.130.000.000	11.130.000.000	-	-	-	-	11.130.000.000	11.130.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(6.821.291.987)	2.145.552.846	8.966.844.833	(2.000.001)			2.145.552.846	(64.619.555.264)
Cộng		143.308.708.013	152.275.552.846	8.966.844.833	(2.000.001)	-	-	152.275.552.846	85.510.444.737

Người lập

Phạm Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN

